TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2024
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Ken.

Bà Võ Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Trầm Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 381/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023, về Tranh chấp ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Sơn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Kim Thị Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Sơn T có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, anh Sơn T trình bày:

Vào năm 2013, anh với chị Kim Thị Đ xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chị sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc cho nhau và có được 01 con chung tên Sơn Thị Ngọc T1, sinh ngày 23/5/2015. Đến tháng 5 năm 2021, thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do chị Đ có mối quan hệ T cảm

với người khác và đến tháng 11 năm 2021, chị Đ bỏ nhà đi, để con lại cho anh nuôi cho đến nay. Từ đó, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay anh Sơn T yêu cầu được ly hôn với chị Kim Thị Đ; về con chung, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nêu trên, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn chị Kim Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa và không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Sơn T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử là thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Xét thấy, từ ngày 24/11/2021, chị Đ bỏ đi không còn chung sống với anh T cho đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Thẩm phán triệu tập anh T, chị Đ đến hòa giải, xét xử nhưng chị Đ vắng mắt tại các phiên họp, phiên tòa và không gửi bản tự khai trình bày ý kiến của mình. Như vậy T trạng hôn nhận của anh T và chị Đ đã mâu thuẩn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, do đó anh Sơn T yêu cầu ly hôn, nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 54, 56 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Anh Sơn T được ly hôn với chị Kim Thị Đ.

Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Ngọc T1, sinh ngày 23/5/2015 cho anh T nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 muốn sống với cha là anh Sơn T, chị Kim Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Sơn T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Kim Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Sơn T và chị Kim Thị Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; anh T có nộp bản chính giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn, huyện TC, tỉnh Trà Vinh cấp để chứng minh, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian và có 01 con chung tên Sơn Thị Ngọc T, sinh ngày 23/5/2015. Tuy nhiên, giữa anh T với chị Đ có nhiều mâu thuẫn nên chị Đ đã giao con chung lại cho anh T nuôi và bỏ nhà đi, không còn chung sống với anh T từ tháng 2021 đến nay. Từ khi Tòa thụ lý vụ án cho đến nay thời gian dài nhưng anh T và chị Đ vẫn không thể tự hàn gắn, đoàn tụ; chị Đ không tham dự phiên họp, phiên tòa để nêu ý kiến. Điều đó cho thấy chị Đ đã bỏ mặc, không còn quan tâm cuộc sống của vợ chồng; nếu tiếp tục duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Cho nên việc anh T yêu cầu được ly hôn với chị Đ là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Cháu Sơn Thị Mộng Tuyền, sinh ngày 23/5/2015 có nguyện vọng sống chung với anh T nên giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng; anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đối với chị Đ vắng mặt tại phiên tòa, không có nêu ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên chị được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp.

[3] Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Sơn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Sơn T được ly hôn với chị Kim Thị Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Sơn T được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Mộng T1, sinh ngày 23/5/2015; anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Sơn T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Buộc anh Sơn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018517, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Kim Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tiên Nghiệm